

Số: 441 /SGD&ĐT - TH

Hoà Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2011

THÔNG BÁO

Kết quả thi học sinh giỏi cấp tiểu học, năm học 2010 - 2011

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.

Căn cứ kết quả thi học sinh giỏi tiểu học cấp tỉnh ngày 22/3/2011, Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình thông báo kết quả, nguyên tắc công nhận và xếp giải học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2010 - 2011 như sau:

1. Đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh:

Học sinh dự thi đạt từ 10 điểm trở lên.

Môn Tiếng Việt công nhận 993/1212 em, đạt tỷ lệ 81,9%

Môn Toán công nhận 646/919 em, đạt tỷ lệ 70,3%.

2. Xếp giải:

a/ Môn Tiếng Việt:

+ Giải Nhất: Từ 17,0 điểm trở lên; công nhận 32 em,

+ Giải Nhì : Từ 15,0 đến 16,5 điểm; công nhận 181 em,

+ Giải Ba : Từ 13,5 đến 14,5 điểm; công nhận 202 em,

+ Giải Khuyến khích: Từ 12,0 đến 13,0 điểm; công nhận 220 em.

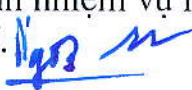
b/ Môn Toán:

+ Giải Nhất: Từ 19,0 điểm trở lên; công nhận 19 em,

+ Giải Nhì : Từ 17,0 đến 18,5 điểm; công nhận 113 em,

+ Giải Ba : Từ 15,0 đến 16,5 điểm; công nhận 104 em,

+ Giải Khuyến khích: Từ 13,0 đến 14,5 điểm; công nhận 129 em.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả để phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố biết và rút kinh nghiệm cho việc chỉ đạo công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu các môn học cấp tiểu học, nâng cao chất lượng dạy học toàn diện nhằm hoàn thành nhiệm vụ năm học 2010 - 2011 cũng như chuẩn bị cho các năm học tiếp theo. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ GDTH (Bộ GD&ĐT);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CN, CM Sở;
- Lưu: VT, VP, TH (HD. 20b).



Bùi Trọng Đắc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỈNH HÒA BÌNH

THỐNG KÊ

Kết quả thi học sinh giỏi tiểu học cấp tỉnh

Năm học 2010 - 2011

TT	Đơn vị	Số lượng học sinh dự thi và kết quả thi															
		TS dự thi		Đạt Học sinh giỏi		Nhất		Nhì		Ba		K. Khích		Công nhận		TV	Toán
		TV	Toán	TV	Tỷ lệ	Toán	Tỷ lệ	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán		
1	TP. Hòa Bình	262	241	248	94,7	196	81,3	20	6	79	47	62	33	50	44	37	66
2	Lạc Sơn	165	110	146	88,5	73	66,4	4	2	29	7	33	6	29	18	51	40
3	Lương Sơn	108	65	102	94,4	57	87,7	1	4	21	17	26	11	16	10	38	15
4	Lạc Thủy	66	50	59	89,4	48	96,0	2	2	8	13	17	11	14	10	18	12
5	Yên Thủy	170	115	100	58,8	49	42,6	0	1	8	9	15	5	18	4	59	30
6	Kim Bôi	132	77	97	73,5	46	59,7	0	0	4	2	15	5	26	9	52	30
7	Tân Lạc	90	46	83	92,2	32	69,6	4	3	16	5	18	6	22	6	23	12
8	Đà Bắc	42	57	30	71,4	27	47,4	0	1	2	4	4	7	10	5	14	10
9	Kỳ Sơn	45	63	35	77,8	47	74,6	1	0	6	4	3	6	11	9	14	28
10	Cao Phong	73	61	55	75,3	46	75,4	0	0	6	3	5	9	12	9	32	25
11	Mai Châu	59	34	38	64,4	25	73,5	0	0	2	2	4	5	12	5	20	13
	Cộng	1212	919	993	81,9	646	70,3	32	19	181	113	202	104	220	129	358	281

Người tổng hợp

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Diễm

